TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN** Số: 37/2024/QĐST - HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Văn Giang, ngày 02 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213; khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 37/2024/TLST - HNGĐ ngày 04/4/2024, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

1. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1985

2. Chị Trần Thị D, sinh năm 1989

Cùng HKTT: Ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 09/3/2009

+ Cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 06/12/2010

Cùng HKTT: Ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị D tự do tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên ngày 06/5/2008 được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 quyển số 01/2008 và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng anh chị sinh sống tại nhà anh K tại ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xích mích những vấn đề nhỏ nhặt trong cuộc sống.Vợ chồng anh chị mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ tháng

01/2023 cho đến nay. Chị D về sống với bố mẹ đẻ tại thôn T, xã H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên sau đó ra ngoài ở trọ còn anh K vẫn sống gia đình tại ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Từ khi hai vợ chồng sống ly thân anh chị không quan tâm nhau hỏi han gì nhau, không nói chuyện với nhau, không chia sẻ với nhau những vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng anh chị chỉ nói chuyện với nhau để hỏi han những vấn đề liên quan đến con cái. Khi hai vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn thì gia đình hai bên đều biết và đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ về chung sống cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên anh chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Giang công nhận anh chị thuận tình ly hôn để anh chị sớm ổn định cuộc sống.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh K và chị D là chính đáng, có căn cứ và phù hợp Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh K và chị D.

[2] Về con chung: Anh K và chị D thống nhất vợ chồng 02 con chung là cháu tên là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 09/3/2009 và Nguyễn Việt T, sinh ngày 06/12/2010. Khi ly hôn anh chị thống nhất anh K là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 09/3/2009 và Nguyễn Việt T, sinh ngày 06/12/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh K, chị D thống nhất chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung, đất nông nghiệp: Anh K và chị D khai không có nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn K và chị Trần Thị D mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001345 ngày 04/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Anh K, chị D đã nộp đủ tiền lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Trần Thị D.

1.2 Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 09/3/2009 và Nguyễn Việt T, sinh ngày 06/12/2010 cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 ***Về tài sản chung, công nợ chung, đất nông nghiệp*****:** Không đặt ra giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn K tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001345 ngày 04/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Anh K đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Văn Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Văn Giang;
- UBND xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 40, quyển số 01/2008, ngày 06/5/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Huấn